

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-33
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Ủy viên
Bà Đặng Thị Thường	Ủy viên
Ông Phạm Đức Chính	Ủy viên
Ông Phạm Khắc Tập	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng giám đốc
Ông Trần Hoàng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thường	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Đức Chính	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Kim	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nghiêm Thị Bốn	Trưởng ban
Ông Hà Hồng Ninh	Thành viên
Ông Hà Quang Nhân	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đặng Thị Thường

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà được lập ngày 21 tháng 02 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		145.009.130.577	198.509.710.852
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	17.361.132.318	15.441.541.887
111	1. Tiền		15.361.132.318	14.688.402.656
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	753.139.231
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	9.943.737.079	151.870.409.552
121	1. Đầu tư ngắn hạn		9.943.737.079	151.870.409.552
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.815.592.075	6.172.725.029
131	1. Phải thu của khách hàng		3.239.752.531	773.360.829
132	2. Trả trước cho người bán	7	5.641.098.500	4.881.785.334
135	5. Các khoản phải thu khác	8	11.934.741.044	517.578.866
140	IV. Hàng tồn kho	9	80.176.767.421	16.819.047.560
141	1. Hàng tồn kho		80.176.767.421	16.819.047.560
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.711.901.684	8.205.986.824
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		133.954.094	128.352.652
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.057.504.516	2.616.986.594
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	1.597.418.502
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	7.520.443.074	3.863.229.076
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		130.779.491.847	124.665.357.119
220	II. Tài sản cố định		46.933.591.685	64.814.662.892
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	13.998.313.985	12.972.294.705
222	- Nguyên giá		23.606.491.291	21.010.693.102
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.608.177.306)	(8.038.398.397)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	806.533.591	1.071.768.023
228	- Nguyên giá		2.856.471.000	2.818.471.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.049.937.409)	(1.746.702.977)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	32.128.744.109	50.770.600.164
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	81.446.474.584	57.828.132.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	2.700.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		63.155.268.454	32.146.044.307
258	3. Đầu tư dài hạn khác		22.759.000.000	24.428.698.800
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.467.793.870)	(1.446.611.048)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.399.425.578	2.022.562.168
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	1.086.048.838	423.923.710
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.313.376.740	1.598.638.458
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		275.788.622.424	323.175.067.971

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		89.006.222.864	159.290.750.682
310	I. Nợ ngắn hạn		50.298.894.608	102.267.134.306
312	2. Phải trả người bán		10.753.814.384	11.995.971.199
313	3. Người mua trả tiền trước	16	7.112.197.344	65.320.760.247
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.766.895.311	135.580.529
315	5. Phải trả người lao động		3.888.385.319	3.704.209.263
316	6. Chi phí phải trả	18	296.040.000	366.601.857
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	19	22.768.724.288	19.198.189.193
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.030.465.942	885.075.426
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.682.372.020	660.746.592
330	II. Nợ dài hạn		38.707.328.256	57.023.616.376
333	3. Phải trả dài hạn khác		35.387.728.396	47.597.532.151
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		58.800.000	80.403.228
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		3.260.799.860	9.345.680.997
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		186.782.399.560	163.884.317.289
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	186.517.668.352	163.660.095.021
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		109.198.890.000	90.999.890.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.682.000)	(1.682.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		432.368.648	(101.897.617)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		25.757.864.412	14.665.377.519
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		8.842.290.692	5.817.066.994
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.287.936.600	52.281.340.125
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		264.731.208	224.222.268
432	1. Nguồn kinh phí	21	180.000	180.000
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		264.551.208	224.042.268
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		275.788.622.424	323.175.067.971

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		35.497,23	54.286,87
- Đồng Nhân dân tệ		641,66	-
- Đồng Yên nhật (JPY)		7.200.313,00	5.272.793,00

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	136.808.548.693	156.306.179.642
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		39.234.000	24.421.064
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		136.769.314.693	156.281.758.578
11	4. Giá vốn hàng bán	23	93.940.963.898	114.968.961.413
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.828.350.795	41.312.797.165
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.345.446.819	21.950.082.982
22	7. Chi phí tài chính	25	4.503.465.178	1.319.311.697
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		158.902.489	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.960.472.683	14.217.123.801
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		34.709.859.753	47.726.444.649
31	11. Thu nhập khác		964.671.583	354.816.148
32	12. Chi phí khác		9.053.915	151.828.406
40	13. Lợi nhuận khác		955.617.668	202.987.742
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.665.477.421	47.929.432.391
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	8.934.369.355	4.205.717.918
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.731.108.066	43.723.714.473
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	2.448	4.805

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		35.665.477.421	47.929.432.391
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.187.494.819	2.216.412.879
03	Các khoản dự phòng		3.021.182.822	1.088.704.730
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.800.077.819)	(21.687.793.887)
06	Chi phí lãi vay		158.902.489	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.232.979.732	29.546.756.113
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(24.740.598.966)	4.497.653.996
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(63.357.719.861)	7.397.434.766
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(39.963.373.460)	(90.475.699.226)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(667.726.570)	795.821.780
13	Tiền lãi vay đã trả		(158.902.489)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.064.041.137)	(3.602.617.286)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.469.708.000	4.692.940.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.831.537.135)	(33.087.436.994)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(113.081.211.886)	(80.235.146.851)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.501.342.770)	(23.765.704.428)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.250.000.000)	(87.692.496.155)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		143.669.698.800	157.123.025.996
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16.400.000.000)	(9.050.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.010.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.040.077.819	21.687.793.887
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		114.568.433.849	58.302.619.300
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		75.000.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(75.000.000.000)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(9.099.821.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(9.099.821.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.487.221.963	(31.032.348.551)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		15.441.541.887	46.473.890.438
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		432.368.468	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	17.361.132.318	15.441.541.887

Lê Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường

Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 109.198.890.000 VND. Tương đương 10.919.889 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	Quản lý Dự án
- Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Thành phố Hà Nội	Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng, dạy nghề
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà	Thành phố Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh nhà, hạ tầng, vật tư, máy móc thiết bị
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Trung tâm du lịch	Thành phố Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ du lịch

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Tỉnh Gia Lai	Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây dựng, tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu
- Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	Tỉnh Hòa Bình	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh phần mềm, tư vấn, thiết kế trong lĩnh vực CNTT
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco - Fansipan	Tỉnh Yên Bái	Khai thác và sản xuất sản phẩm từ đá
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Tỉnh Hòa Bình	Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Tập đoàn Sông Đà);
- Dịch vụ tư vấn dự học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành nghề kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh thu gom, tái chế và xuất khẩu vật tư thiết bị điện, điện tử, nhựa, kim loại;
- Mua bán rác phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, nhựa đã qua sử dụng, thạch cao phế phẩm, sắt thép phế liệu, đồng nát;

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Sản xuất và mua bán mũ bảo hiểm;
- Thiết kế sản xuất thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- Thiết kế mẫu quảng cáo và thi công các hạng mục quảng cáo;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh các sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, các sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi, kho ngoại quan, các hoạt động dịch vụ vận tải và hoạt động logistics;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dạy nghề (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đào tạo cao đẳng (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Đối với hoạt động xây lắp, chi phí sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ} - \text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng thực hiện dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng được nghiệm thu trong kỳ (Chủ đầu tư xác nhận)}$$

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03	năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng).

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO BIÊN BẢN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2009

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 căn cứ trên Biên bản của kiểm toán Nhà nước. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu đã kiểm toán năm 2009</u>	<u>Số liệu điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước</u>	<u>Chênh lệch</u>	<u>Ghi chú</u>
		VND	VND	VND	
Bảng cân đối kế toán					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	2.273.708.772	1.597.418.502	(676.290.270)	(6)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	43.545.192.857	50.770.600.164	7.225.407.307	(4,5)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19.440.444.780	19.198.189.193	(242.255.587)	(1,2)
Doanh thu chưa thực hiện	338	9.471.134.517	9.345.680.997	(125.453.520)	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	45.364.513.981	52.281.340.125	6.916.826.144	(1-6)
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	156.134.544.235	156.306.179.642	171.635.407	(1,3)
Giá vốn hàng bán	11	122.194.368.720	114.968.961.413	(7.225.407.307)	(4,5)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21.754.009.282	21.950.082.982	196.073.700	(2)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	40.336.315.977	47.929.432.391	7.593.116.414	(1-5)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.529.427.648	4.205.717.918	676.290.270	(6)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	36.806.888.329	43.723.714.473	6.916.826.144	(1-6)
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	40.336.315.977	47.929.432.391	7.593.116.414	(1-6)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.622.842.073	7.397.434.766	(7.225.407.307)	(4,5)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(90.107.990.119)	(90.475.699.226)	(367.709.107)	(1-3)

- (1) Điều chỉnh tăng doanh thu tiền đào tạo số tiền 46.181.887 đồng.
- (2) Điều chỉnh tăng doanh thu hoạt động tài chính tiền lãi khác hàng chậm nộp tiền mua nhà của dự án Vạn Phúc số tiền 196.073.700 đồng.
- (3) Điều chỉnh tăng doanh thu hoạt động xuất khẩu lao động theo tỷ giá của Ngân hàng nhà nước số tiền 125.453.520 đồng.
- (4) Điều chỉnh giảm giá vốn và tăng giá trị dở dang của dự án Vạn Phúc do phân bổ tiền hạ tầng cho phần tài sản - Hạng mục Nhà văn phòng của Công ty số tiền 4.610.452.981 đồng.
- (5) Điều chỉnh giảm giá vốn và tăng giá trị dở dang của dự án Vạn Phúc do loại trừ giá vốn nội bộ chưa tương ứng với doanh thu nội bộ số tiền 2.614.954.326 đồng.
- (6) Điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp do ảnh hưởng của việc điều chỉnh doanh thu, giá vốn và loại trừ chi phí không hợp lý, hợp lệ khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

4 . TRÌNH BÀY LẠI SỐ ĐẦU KỲ DO SỬA ĐỔI CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 01/01/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu và chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong mục nợ dài hạn thay cho trước đây được trình bày tại chỉ tiêu Người mua trả tiền trước trong mục nợ ngắn hạn.

	Mã số	Đã trình bày trên báo cáo năm 2009 VND	Phân loại và trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán				
Nợ ngắn hạn	310	111.319.777.818	102.267.134.306	(9.052.643.512)
Người mua trả tiền trước	313	74.791.894.764	65.320.760.247	(9.471.134.517)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	660.746.592	660.746.592
Nợ dài hạn	330	47.677.935.379	57.023.616.376	9.345.680.997
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	9.345.680.997	9.345.680.997
Vốn chủ sở hữu	400	157.628.237.737	163.884.317.289	6.256.079.552

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền	15.361.132.318	14.688.402.656
- Tiền mặt	2.590.969.328	2.001.494.388
- Tiền gửi ngân hàng	12.770.162.990	12.686.908.268
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	753.139.231
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.000.000.000	600.000.000
- Ủy thác quản lý vốn bằng tiền	-	153.139.231
	17.361.132.318	15.441.541.887

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Cho Tập đoàn Sông Đà vay	1.352.865.900	134.476.634.351
Cho Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển vay	3.936.287.436	15.393.775.201
Cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa vay	4.000.000.000	-
Cho Công ty TNHH Simco Sông Đà vay	500.000.000	-
Ủy thác quản lý vốn bằng tiền - Công ty Tài chính CP Sông Đà	154.583.743	2.000.000.000
	9.943.737.079	151.870.409.552

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ứng trước khối lượng công trình	5.091.369.000	4.730.520.834
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	748.030.900	2.881.009.000
- Dự án Đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	4.043.338.100	1.549.511.834
- Dự án Khu công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín	300.000.000	300.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	549.729.500	151.264.500
	5.641.098.500	4.881.785.334

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền đầu tư, lãi tiền cho vay, lãi ủy thác quản lý vốn	1.736.435.300	102.324.272
Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ	8.500.000.000	-
Phải thu tiền ứng thực hiện dự án tại Myanmar	1.500.000.000	-
Phải thu khác	198.305.744	415.254.594
	11.934.741.044	517.578.866

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	966.765.674	1.928.834.215
Công cụ, dụng cụ	58.618.115	58.467.878
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	67.177.699.181	2.852.827.025
Thành phẩm	17.539.559	22.773.550
Hàng hoá	11.808.336.766	11.956.144.892
Hàng gửi đi bán	147.808.126	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	80.176.767.421	16.819.047.560

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	7.520.443.074	3.863.229.076
	7.520.443.074	3.863.229.076

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Lợi thế doanh nghiệp VND	Hệ thống Website, phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.726.811.000	91.660.000	2.818.471.000
Số tăng trong năm	-	38.000.000	38.000.000
- Mua sắm mới	-	38.000.000	38.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.726.811.000	129.660.000	2.856.471.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.692.895.165	53.807.812	1.746.702.977
Số tăng trong năm	272.681.100	30.553.332	303.234.432
- Trích khấu hao	272.681.100	30.553.332	303.234.432
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.965.576.265	84.361.144	2.049.937.409
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu năm	1.033.915.835	37.852.188	1.071.768.023
Cuối năm	761.234.735	45.298.856	806.533.591

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	29.682.356.394	50.453.680.669
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	26.526.312.472	44.934.827.033
- Dự án Tuyến đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	-	197.101.144
- Dự án Khu Công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín	2.282.239.506	2.262.839.675
- Các công trình Trường Cao đẳng nghề	-	2.382.404.271
- Dự án Lào Cai - Yên Bái	13.895.454	68.777.193
- Dự án mở rộng thị trường Canada	859.908.962	607.731.353
- Dự án khai thác mỏ Myanmar	2.320.235.720	-
Mua sắm tài sản cố định	101.547.286	292.314.786
- Máy móc, thiết bị Trường Cao đẳng nghề	101.547.286	292.314.786
Sửa chữa lớn tài sản cố định	24.604.709	24.604.709
- Cải tạo nhà để xe, xưởng thực hành Trường Cao đẳng nghề	24.604.709	24.604.709
	32.128.744.109	50.770.600.164

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

14 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	-	2.700.000.000
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	-	2.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	63.155.268.454	32.146.044.307
- Công ty CP Thủy điện Đắk Đoa	22.000.000.000	17.600.000.000
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	23.970.000.000	9.750.000.000
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	890.844.307	1.896.044.307
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	2.900.000.000	2.900.000.000
- Công ty CP Khoáng sản Simco - Fansipan	12.244.424.147	-
- Công ty TNHH Simco Sông Đà (*)	1.150.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	22.759.000.000	24.428.698.800
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.467.793.870)	(1.446.611.048)
	81.446.474.584	57.828.132.059

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp cam kết	Tỷ lệ thực góp (***)	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị khoản đầu tư tại 31/12/2010
Công ty CP Thủy điện Đắk Đoa	28,57%	28,82%	26,70%	22.000.000.000
- <i>Vốn góp của Công ty</i>	26,47%	26,70%		20.380.000.000
- <i>Vốn nhận ủy thác (**)</i>	2,10%	2,12%		1.620.000.000
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	34,24%	42,80%	32,53%	23.970.000.000
- <i>Vốn góp của Công ty</i>	26,03%	32,53%		18.220.000.000
- <i>Vốn nhận ủy thác (**)</i>	8,21%	10,27%		5.750.000.000
Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	20,97%	20,97%	20,97%	890.844.307
Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	35,00%	35,83%	35,83%	2.900.000.000
Công ty CP Khoáng sản Simco - Fansipan	45,00%	20,41%	20,41%	12.244.424.147
Công ty TNHH Simco Sông Đà (*)	38,33%	38,33%	38,33%	1.150.000.000

(*) Trên Báo cáo tài chính năm 2009, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Simco Sông Đà được trình bày là khoản đầu tư vào công ty con, với tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty là 90%. Năm 2010, do thay đổi cơ cấu vốn trong Công ty TNHH Simco Sông Đà, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty chỉ còn 38,33% và khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

(**) Đây là các khoản nhận ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên Công ty theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Theo đó, Công ty được ủy thác để góp vốn và thực hiện các quyền, nghĩa vụ liên quan với tư cách là cổ đông của bên nhận góp vốn.

(***) Tỷ lệ vốn thực góp được xác định trên cơ sở số vốn đã góp của Công ty trên tổng số vốn đã góp của các bên được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của công ty tiếp nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Góp vốn thành lập công ty	7.759.000.000	7.759.000.000
- Công ty CP Sắt Thạch Khê	759.000.000	759.000.000
- Công ty CP Cao su Phú Riềng - Kratie	3.300.000.000	3.300.000.000
- Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn	2.100.000.000	2.100.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	1.100.000.000	1.100.000.000
- Công ty CP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	500.000.000	500.000.000
Cho vay dài hạn - Công ty TNHH Simco Sông Đà	-	1.669.698.800
Trái phiếu chuyển đổi Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	15.000.000.000	15.000.000.000
- Vốn của Công ty	12.505.000.000	12.545.000.000
- Vốn nhận ủy thác	2.495.000.000	2.455.000.000
	22.759.000.000	24.428.698.800

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.086.048.838	193.128.535
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	-	25.271.145
Chi phí giàn giáo, cốp pha, dụng cụ phục vụ thi công	-	205.524.030
	1.086.048.838	423.923.710

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền nhà Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	-	52.192.660.174
Tiền chi phí Dự án Tuyến đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	5.321.183.844	12.092.446.805
Chi phí Công trình HH4 - CN Công ty CP Sông Đà 1 tại Hà Nội	-	90.000.000
Chi phí Công trình của Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	-	945.653.268
Chi phí Công trình của Dự án Khu đô thị Dương Nội	1.153.885.500	-
Ứng trước các hợp đồng du lịch	50.868.000	-
Ứng trước hợp đồng thi công chống thấm	551.760.000	-
Ứng trước khác	34.500.000	-
	7.112.197.344	65.320.760.247

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	312.945.455	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.272.909.716	-
Thuế Thu nhập cá nhân	181.040.140	135.580.529
	1.766.895.311	135.580.529

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	34.716.200
Trích trước chi phí cho các công trình	-	163.965.657
Trích trước tiền ăn ca	28.040.000	-
Trích trước tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	138.000.000	-
Trích trước chi phí phải trả khác	130.000.000	167.920.000
	296.040.000	366.601.857

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	212.436.137	224.265.323
Bảo hiểm xã hội	55.849.112	100.611.886
Bảo hiểm y tế	10.406.076	26.688.646
Bảo hiểm thất nghiệp	5.428.966	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	873.244.695	914.994.695
Phải trả đối tác nước ngoài về xuất khẩu lao động	5.715.965.032	4.662.539.671
Phải trả tiền nhân công thuê ngoài phục vụ thi công	2.574.377.000	1.410.149.000
Phải trả tiền vốn nhận ủy thác đầu tư của CBCNV	9.865.000.000	9.825.000.000
Phải trả tiền lãi nhận ủy thác đầu tư của CBCNV	297.864.000	-
Phải trả tiền xuất cảnh của lao động xuất khẩu	868.031.132	230.851.032
Phải trả tiền thu người mua nhà Dự án Vạn Phúc	1.288.630.000	-
Phải trả tiền chuyển nhượng vốn Công ty TNHH Simco Sông Đà	-	280.000.000
Phải trả, phải nộp khác	1.001.492.138	1.523.088.940
	22.768.724.288	19.198.189.193

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	109.198.890.000	90.999.890.000
- Vốn góp đầu năm	90.999.890.000	90.999.890.000
- Vốn góp tăng trong năm	18.199.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	109.198.890.000	90.999.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.199.000.000	9.099.821.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.199.000.000	9.099.821.000

Theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2010, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 20% vốn điều lệ.

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.919.889	9.099.989
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.919.889	9.099.989
- Cổ phiếu phổ thông	10.919.889	9.099.989
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- Cổ phiếu phổ thông	168	168
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.919.721	9.099.821
- Cổ phiếu phổ thông	10.919.721	9.099.821
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	25.757.864.412	14.665.377.519
Quỹ dự phòng tài chính	8.842.290.692	5.817.066.994
	34.600.155.104	20.482.444.513

21 . NGUỒN KINH PHÍ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	180.000	427.460.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.033.798.000	1.070.000.000
Nguồn kinh phí không chi hết	-	(135.180.000)
Chi sự nghiệp	(1.033.798.000)	(1.362.100.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	180.000	180.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	25.597.587.543	26.523.509.584
Doanh thu kinh doanh hạ tầng, hợp đồng xây dựng	92.915.005.543	128.058.217.353
Doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và doanh thu khác	18.295.955.607	1.724.452.705
	136.808.548.693	156.306.179.642

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	8.477.593.923	7.910.717.433
Giá vốn kinh doanh hạ tầng, hợp đồng xây dựng	67.998.311.951	105.385.811.838
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn khác	17.465.058.024	1.672.432.142
	93.940.963.898	114.968.961.413

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ủy thác quản lý vốn, lãi chậm trả	11.040.077.819	21.883.867.587
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.207.761.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.552.000	66.215.395
Doanh thu hoạt động tài chính khác	96.056.000	-
	12.345.446.819	21.950.082.982

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	158.902.489	-
Lãi tiền ký quỹ, ký cược	-	54.688.511
Lỗ hoạt động chuyển nhượng vốn đầu tư	1.240.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	81.461.378	157.885.531
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.021.182.822	1.088.704.730
Chi phí tài chính khác	1.918.489	18.032.925
	4.503.465.178	1.319.311.697

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	803.784.136	693.254.841
Chi phí nhân công	9.162.512.929	8.303.294.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	903.767.060	840.406.459
Thuế, phí, lệ phí	40.328.000	49.938.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.818.991.075	1.858.078.571
Chi phí khác bằng tiền	3.231.089.483	2.472.150.921
	15.960.472.683	14.217.123.801

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.665.477.421	47.929.432.391
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	72.000.000	135.915.239
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	72.000.000	135.915.239
Tổng lợi nhuận chịu thuế	35.737.477.421	48.065.347.630
Tổng lợi nhuận tính thuế	35.737.477.421	48.065.347.630
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.934.369.355	12.016.336.908
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(7.810.618.990)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.934.369.355	4.205.717.918
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(1.597.418.502)	(2.200.519.134)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.064.041.137)	(3.602.617.286)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	1.272.909.716	(1.597.418.502)

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	26.731.108.066	43.723.714.473
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.731.108.066	43.723.714.473
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.919.721	9.099.821
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.448	4.805

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty CP Thủy điện Đắk Đa	Công ty liên kết	4.400.000.000	5.800.000.000
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	14.220.000.000	3.250.000.000
- Công ty CP Khoán sản Simco - Fansipan	Công ty liên kết	12.244.424.147	-
Thu hồi vóp vốn vào công ty			
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	Công ty liên kết	1.005.200.000	-
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty liên kết	1.550.000.000	-
Doanh thu bán hàng			
- Công ty CP Sông Đà 3	Thành viên Tập đoàn	-	6.590.910
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	Công ty liên kết	-	81.849.091
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.656.370.445	1.066.588.182
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	-	250.241.600
- Công ty CP Sông Đà 5	Thành viên Tập đoàn	1.076.946.004	-
Mua hàng			
- Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ	516.660.500	960.968.776
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tập đoàn	-	1.059.594.545
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	-	5.960.655.936
- Công ty CP Xi măng Sông Đà	Thành viên Tập đoàn	13.094.494.977	-
Lãi ủy thác quản lý vốn			
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	Thành viên Tập đoàn	11.361.179	637.025.093
Lãi cho vay vốn			
- Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ	7.513.349.581	18.751.360.789
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	1.788.366.861	181.527.046
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty liên kết	61.305.200	192.789.052

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty CP Sông Đà 3	Thành viên Tập đoàn	-	7.250.000
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	754.254.483	5.471.698.000
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tập đoàn	800.000.000	-
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	1.976.354.222	-
Phải thu vốn và lãi cho vay			
- Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ	1.352.865.900	134.476.634.351
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	3.936.287.436	15.393.775.201
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Công ty liên kết	500.000.000	1.707.758.900
- Công ty CP Thủy điện Đắk Đa	Công ty liên kết	4.000.000.000	-
Phải thu vốn ủy thác			
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	Thành viên Tập đoàn	154.583.743	2.153.139.231
Phải trả tiền hàng			
- Công ty CP Xi măng Sông Đà	Thành viên Tập đoàn	45.000.000	59.120.000
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tập đoàn	1.111.711.100	1.111.711.100
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	-	945.653.268
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	1.145.500.701	8.098.612.883

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Số liệu đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2009 và trình bày lại do sửa đổi chế độ kế toán như đã nêu tại thuyết minh số 3 và thuyết minh số 4.

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Đặng Thị Thường
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	14.060.168.827	2.539.527.799	3.001.066.683	1.409.929.793	-	21.010.693.102
Số tăng trong năm	2.575.341.667	253.120.000	81.818.000	-	-	2.910.279.667
- Mua sắm mới		115.120.000	81.818.000	-	-	196.938.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.575.341.667	138.000.000	-	-	-	2.713.341.667
Số giảm trong năm	-	-	-	(314.481.478)	-	(314.481.478)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(314.481.478)	-	(314.481.478)
Số dư cuối năm	16.635.510.494	2.792.647.799	3.082.884.683	1.095.448.315	-	23.606.491.291
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	4.244.378.578	977.722.595	1.529.740.451	1.286.556.773	-	8.038.398.397
Số tăng trong năm	845.664.745	435.290.144	495.460.335	107.845.163	-	1.884.260.387
- Trích khấu hao	845.664.745	435.290.144	495.460.335	107.845.163	-	1.884.260.387
Số giảm trong năm	-	-	-	(314.481.478)	-	(314.481.478)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(314.481.478)	-	(314.481.478)
Số dư cuối năm	5.090.043.323	1.413.012.739	2.025.200.786	1.079.920.458	-	9.608.177.306
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu năm	9.815.790.249	1.561.805.204	1.471.326.232	123.373.020	-	12.972.294.705
Cuối năm	11.545.467.171	1.379.635.060	1.057.683.897	15.527.857	-	13.998.313.985

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	90.999.890.000	(1.682.000)	-	34.637.172	4.317.589.397	36.014.155.586	131.364.590.155
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	43.723.714.473	43.723.714.473
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	14.630.740.347	1.499.477.597	(18.356.708.934)	(2.226.490.990)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(9.099.821.000)	(9.099.821.000)
Chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	(101.897.617)	-	-	-	(101.897.617)
Số dư cuối năm trước	90.999.890.000	(1.682.000)	(101.897.617)	14.665.377.519	5.817.066.994	52.281.340.125	163.660.095.021
Tăng vốn trong năm nay	18.199.000.000	-	-	-	-	-	18.199.000.000
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	26.731.108.066	26.731.108.066
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	11.092.486.893	3.025.223.698	(18.517.710.591)	(4.400.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(18.199.000.000)	(18.199.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	101.897.617	-	-	-	101.897.617
Chênh lệch tỷ giá năm nay	-	-	432.368.648	-	-	-	432.368.648
Giảm khác	-	-	-	-	-	(7.801.000)	(7.801.000)
Số dư cuối năm nay	109.198.890.000	(1.682.000)	432.368.648	25.757.864.412	8.842.290.692	42.287.936.600	186.517.668.352

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tập đoàn Sông Đà	55.692.000.000	51,00%	46.410.000.000	51,00%
Vốn góp của đối tượng khác	53.506.890.000	49,00%	44.589.890.000	49,00%
	109.198.890.000	100,00%	90.999.890.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động	Kinh doanh thương mại, dịch vụ	Kinh doanh nhà và hạ tầng, xây lắp	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	25.558.353.543	18.295.955.607	92.915.005.543	-	136.769.314.693
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.080.759.620	830.897.583	24.916.693.592	-	42.828.350.795
Tài sản bộ phận	15.964.514.591	12.696.421.306	133.861.497.229	-	162.522.433.126
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	113.266.189.298
Tổng tài sản				-	275.788.622.424
Nợ phải trả của các bộ phận	58.619.149.467	473.851.902	28.101.829.197	-	87.194.830.566
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.811.392.298
Tổng nợ phải trả				-	89.006.222.864

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.